

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 20-12-2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Trần Mười
Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, về “Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2022/QĐ-PT ngày 28/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn S - sinh năm 1985; cư trú tại xóm P, thôn P1, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Kim Nh - sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 5, thị trấn C, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; cư trú tại tổ dân phố An Châu, thị trấn C, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Kim S1 - sinh năm 1961; cư trú tại số 29/10 đường N, tổ dân phố 5, thị trấn C, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là chị Huỳnh Thị Kim Nh - sinh năm 1988; cư trú tại tổ dân phố A, thị trấn C, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

(Anh S, chị Nh, ông S1 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2021, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Huỳnh Thị Kim Nh tự tìm hiểu, yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 10/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở chung với cha mẹ chị Nh. Trong thời gian chung sống, chị Nh chỉ biết lo cho bản thân mình, không chăm lo cho gia đình chồng, kể cả gia đình của chị Nh; không có sự tôn trọng, thậm chí còn xúc phạm cha, mẹ của anh. Sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải, anh cố gắng chung sống với chị Nh. Vì em vợ chuẩn bị lập gia đình, nên năm 2017 vợ chồng thuê nhà ở riêng, nhưng chị Nh không hề thay đổi tính tình, cách ứng xử với bên gia đình của anh, không đúng nghĩa là con dâu, lúc nào cũng cho rằng mình đau ốm, công việc áp lực. Anh có khuyên, nhưng chị Nh vẫn không thay đổi nên anh bực tức bỏ về nhà cha, mẹ của anh ở cho đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên ngày 29/3/2021 anh có gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn chị Nh. Qua Nhều lần Tòa án hòa giải, anh muốn cho chị Nh cơ hội để thay đổi nên rút đơn khởi kiện. Sau khi đoàn tụ, anh và chị Nh về sống chung với nhau được 01 tháng, anh thấy chị Nh không thay đổi cách sống, nên anh lại gửi đơn khởi kiện xin ly hôn chị Nh. Anh và chị Nh không còn sống chung từ tháng 5/2021 đến nay. Nay, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn chị Nh, để ổn định cuộc sống cho đôi bên.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Thừa đất số 1121, diện tích 255m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 155m² đất trồng cây hàng năm khác), (viết tắt là thửa 1121) và thửa đất số 1120, diện tích 265m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 165m² đất trồng cây hàng năm khác), (viết tắt là thửa 1120), cùng tờ bản đồ số 29, xã B3, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho anh và chị Nh vào ngày 14/8/2020. Trên mỗi thửa đất đều có tường rào xây gạch, trụ bê tông; trị giá mỗi thửa đất là 300.000.000 đồng.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được nhận thửa 1121; chị Nh nhận thửa 1120 cùng tài sản gắn liền với đất, không bên nào phải thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bên nào. Ngoài ra, trên thửa 1121 có cây rom vợ chồng anh cho hộ dân ở gần trồng tạm thời. Anh và chị Nh tự thỏa thuận với chủ sở hữu cây rom, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, vào năm 2021 vợ chồng anh có chuyển nhượng thửa đất số 1122 (viết tắt là thửa 1122) và thửa đất số 1123 (viết tắt là thửa 1123), cùng tờ bản đồ số

29, xã B3, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Đoàn Văn Th với số tiền 580.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, chị Nh đã trả cho ông Huỳnh Kim S1 (cha của chị Nh) 130.000.000 đồng; trả cho em ruột của chị Nh là anh Huỳnh Kim L 20.000.000 đồng; số tiền còn lại 430.000.000 đồng do chị Nh đang quản lý. Khi ly hôn, anh yêu cầu chia đôi số tiền trên, mỗi người được nhận 215.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 18/6/2022 và tại phiên tòa, anh đồng ý ngoài số tiền trả cho ông S1 và anh L, còn có chi phí khám, chữa bệnh của chị Nh tại Bệnh viện Sản Nh Quảng Ngãi số tiền 3.000.000 đồng; tiền bồi dưỡng 60 ngày sau mổ cho chị Nh là 17.000.000 đồng; còn lại 410.000.000 đồng, anh yêu cầu chia đôi số tiền trên, mỗi người được nhận 205.000.000 đồng.

Ngoài ra, khi ly hôn anh tự nguyện cấp dưỡng cho chị Nh 30.000.000 đồng, trừ vào số tiền anh được chia 205.000.000 đồng, chị Nh phải trả lại cho anh số tiền 175.000.000 đồng.

Chị Nh cho rằng đã sử dụng toàn bộ số tiền chuyển nhượng đất vào việc khám, chữa bệnh và chi tiêu cá nhân của chị Nh, thì anh không đồng ý vì: Chị Nh cho rằng có mượn của ông Huỳnh Kim S1 (cha của chị Nh) số tiền 150.000.000 đồng để đi khám, chữa bệnh trước khi có khoản tiền chuyển nhượng đất là không đúng thực tế; việc khám, chữa bệnh là có thật nhưng nguồn tiền là do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; chị Nh mượn tiền của ông S1 không thông qua ý kiến của anh; đối với các khoản chi phí khác chị Nh cho rằng đã chi tiêu cá nhân, anh không đồng ý. Anh thừa nhận từ khi nộp đơn ly hôn lần thứ nhất, anh không đưa tiền lương của anh cho chị Nh; anh và chị Nh đều có thu nhập nên phần ai nấy làm và tự chi tiêu. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

** Tại bản tự khai ngày 27/12/2021, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Huỳnh Thị Kim Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất như anh S trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống tại nhà cha, mẹ của chị để tiện cho sinh hoạt, công việc của vợ chồng. Tháng 9/2017, vợ chồng chị thuê phòng trọ ra ở riêng. Cuối tháng 6/2018, cha của chị là ông Huỳnh Kim S1 chuyển nhượng cho vợ chồng chị 1.075m² đất tại xã B3, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi với giá 200.000.000 đồng. Thực tế là vừa chuyển nhượng, vừa cho nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng chị làm ăn, ổn định cuộc sống. Vợ chồng chị chỉ có 50.000.000 đồng, nên mượn em ruột của chị là anh Huỳnh Kim L 20.000.000 đồng, để trả trước cho ông S1 70.000.000 đồng, còn nợ lại 130.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian này, vợ chồng chị đi khám, chữa bệnh hiếm muộn nhiều nơi, mua thuốc bồi bổ sức khỏe để mong muốn có con chung. Vì không có tiền, nên chị mượn tiền cha của chị 150.000.000 đồng để đi khám, chữa bệnh.

Tháng 8/2020, vợ chồng chị tách thửa đất trên thành 04 thửa. Từ thời điểm

này đến tháng 01/2021, vợ chồng chị chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì. Ngày 18/01/2021, vợ chồng chị chuyển nhượng thửa 1122 và 1123 cho ông Đoàn Văn Th với số tiền 580.000.000 đồng.

Ngày 22/02/2021, chị nhập viện phẫu thuật u bì buồng trứng. Sau khi xuất viện, chị dự định bồi bổ sức khỏe để tiếp tục khám, chữa bệnh hiếm muộn thì nhận được thông tin anh S xin ly hôn chị và yêu cầu chia tài sản chung. Chị nhận thấy anh S có tham vọng tài sản, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn.

Ngày 08/4/2021, chị bị rối loạn tuần hoàn não, thiếu máu, hạ huyết áp nên nhập viện điều trị. Trong thời gian chị nằm viện, anh S có đến thăm nhưng không chăm sóc mà tra hỏi chuyện tiền bạc, tài sản. Chị nói ốm, mệt nên không nói chuyện được thì anh đòi hành hung chị ngay trong phòng bệnh. Đến ngày 16/04/2021, chị xuất viện thì nhận được thông báo của Tòa án về việc anh S xin ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung với chị. Ngày 10/9/2021, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Thời gian sau đó, vợ chồng vẫn sinh hoạt bình thường, không có mâu thuẫn gì. Nay, chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh S.

Về con chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị thống nhất vợ chồng chị có chuyển nhượng thửa 1122 và 1123 số tiền 580.000.000 đồng. Chị là người trực tiếp giữ tiền. Tuy nhiên, chị đã trả cho cha của chị 280.000.000 đồng, trong đó có 130.000.000 đồng là tiền nợ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 150.000.000 đồng là tiền chị mượn để khám, chữa bệnh hiếm muộn (năm 2015, mượn 40.000.000 đồng; năm 2016, mượn 40.000.000 đồng; năm 2018, mượn 40.000.000 đồng năm 2019, mượn 30.000.000 đồng). Vì cha, con nên không viết giấy tờ, chỉ nói khi nào có tiền thì trả; trả cho em ruột của chị 20.000.000 đồng; chi phí khám, chữa bệnh rối loạn tuần hoàn não, huyết áp thấp, tiền phẫu thuật, bồi dưỡng sau mổ (mổ u bì buồng trứng), sinh hoạt cá nhân với tổng số tiền 210.000.000 đồng; còn 70.000.000 đồng. Từ ngày 22/3/2022 đến ngày 26/3/2022, chị đi khám bệnh đau vai, đốt sống cổ, đau một bên buồng trứng tại Hà Nội; chụp phim, siêu âm tử cung. Bác sỹ chuẩn đoán thoái hóa đốt sống cổ, cho toa thuốc về nhà uống; chi phí khám chữa bệnh, đi lại, thuốc men và chi phí sinh hoạt thiết yếu từ ngày 21/02/2022 đến nay là 28.000.000 đồng. Từ ngày 26/4/2022 đến ngày 18/6/2022, chi tiêu cho cá nhân, thuốc men, bồi dưỡng với số tiền 30.000.000 đồng, hiện chỉ còn 12.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh S ly hôn, thì số tiền 12.000.000 đồng để chị tiếp tục khám, chữa bệnh.

Chị không đồng ý ly hôn nên không đồng ý chia thửa 1121 và thửa 1120. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị đồng ý theo yêu cầu của anh S. Chị nhận thửa 1120, anh S nhận thửa 1121; không bên nào phải thanh toán giá trị chênh lệch cho bên nào. Sau đó, chị thay đổi ý kiến, chị yêu cầu Tòa án chia tài sản cho chị

được nhận 07 phần, anh S nhận 03 phần; chia bằng hiện vật, cụ thể: Anh S nhận 100m² đất ở; chị được nhận 100m² đất ở và đất trồng cây hàng năm khác còn lại, vì chị muốn dùng tài sản này để lo cho việc khám, chữa bệnh và lo cho sức khỏe của chị về sau và nguồn gốc các thửa đất trên là của cha chị, nên chị phải được chia Nhiều hơn. Ngoài ra, chị không yêu cầu giải quyết gì khác.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2022 và tại phiên tòa, người làm chứng là ông Huỳnh Kim Sĩ trình bày:*

Ông là cha đẻ của chị Huỳnh Thị Kim Nh; anh Nguyễn Văn S là con rể của ông. Anh S, chị Nh kết hôn cuối năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Nh sống cùng gia đình ông. Năm 2017, con trai của ông lập gia đình, nhà chật hẹp, bất tiện cho sinh hoạt nên vợ chồng chị Nh ra ngoài thuê phòng trọ ở. Thỉnh thoảng, vợ chồng chị Nh có về nhà vợ chồng ông thăm chơi, ăn cơm cùng với gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng chị Nh thì ông không rõ, vì ông thấy vợ chồng chị Nh chung sống với nhau bình thường. Sau khi chị Nh mổ u bì buồng trứng, anh S nộp đơn ly hôn ở Tòa án. Ông có nghe chị Nh kể là anh S có bất đồng việc chị Nh không về phía chồng, không có trách nhiệm với cha, mẹ chồng và một phần do chị Nh đau ốm, chữa bệnh nhiều lần mà vẫn chưa có con chung. Một thời gian sau, anh S rút đơn ly hôn nhưng vợ chồng cũng không đoàn tụ được. Anh S nộp đơn ly hôn lại và về sống với cha, mẹ của anh S; còn chị Nh vẫn ở nhà thuê. Về quan hệ giữa vợ chồng ông với anh S và quan hệ sui gia với nhau, từ trước đến nay bình thường, không có mâu thuẫn gì. Riêng anh S, từ ngày nộp đơn ly hôn lần 2, anh S không về nhà vợ chồng ông thăm chơi, cũng không gọi điện thoại thăm hỏi gì nữa. Nay, anh S yêu cầu ly hôn với chị Nh, bản thân ông làm cha luôn mong muốn cho con cái hạnh phúc, mong muốn vợ chồng chị Nh đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Sau khi kết hôn, để tạo điều kiện cho vợ chồng chị Nh làm ăn, nên vào khoảng tháng 6/2018, ông có chuyển nhượng cho vợ chồng chị Nh thửa đất ở xã B3, diện tích 1.075m² (trong đó có 400m² đất ở và 675m² đất trồng cây hàng năm khác) với giá 200.000.000 đồng. Vợ chồng chị Nh có trả trước cho ông 70.000.000 đồng, còn nợ lại 130.000.000 đồng. Theo ông được biết, trong số tiền 70.000.000 đồng thì vợ chồng chị Nh có 50.000.000 đồng, mượn em trai của chị Nh là anh Huỳnh Kim L 20.000.000 đồng. Sau khi kết hôn, chị Nh bị bệnh chưa sinh con được nên cần phải đi chữa trị. Vì thương con, lúc đó chị Nh cần tiền đi chữa bệnh nên ông có cho chị Nh mượn tiền Nhiều lần, tổng cộng 150.000.000 đồng. Việc mượn tiền không có giấy tờ gì, cũng không có ai làm chứng, cụ thể các lần mượn như sau: Năm 2015, mượn 40.000.000 đồng; năm 2016, mượn 40.000.000 đồng; năm 2018, mượn 40.000.000 đồng và năm 2019, mượn 30.000.000 đồng. Việc chị Nh mượn tiền, chỉ có ông và chị Nh biết. Ông là người trực tiếp giao tiền cho chị Nh, không có mặt anh S và ông không hề nói với anh S về việc chị Nh mượn tiền,

còn chị Nh có nói với anh S hay không thì ông không biết.

Khoảng tháng 02/2021, chị Nh trả cho ông 280.000.000 đồng, trong đó tiền nhận chuyển nhượng đất là 130.000.000 đồng; tiền mượn đi khám, chữa bệnh là 150.000.000 đồng. Chị Nh trả tiền cho ông, ông không viết giấy nhận tiền và không có người làm chứng. Nay, ông xác định chị Nh không còn nợ ông khoản tiền nào khác. Ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đảm bảo quyền lợi của chị Nh, vì thực tế chị Nh có đi khám, chữa bệnh hiểm muộn nhiều lần. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

** Bản án số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện B1 đã xử:*

1. Anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim Nh.
2. Về con chung, nợ chung: Không có.
3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất: Chia cho anh S được quyền sử dụng thửa 1121; chia cho chị Nh được quyền sử dụng thửa 1120. Anh S và chị Nh được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được chia, gồm: Tường rào xây gạch, trụ bê tông. Anh S và chị Nh không yêu cầu thanh toán lại giá trị chênh lệch về giá trị tài sản gắn liền với đất, nên không giải quyết.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh S về việc chia tài sản chung số tiền 410.000.000 đồng: Xác định số tiền 410.000.000 đồng là tài sản chung của anh S và chị Nh, do chị Nh quản lý. Chị Nh được hưởng số tiền 273.000.000 đồng; anh S được hưởng số tiền 137.000.000 đồng. Buộc chị Nh phải có nghĩa vụ hoàn lại cho anh S số tiền 137.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh S cấp dưỡng cho chị Nh số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự.

** Ngày 25/7/2022 và ngày 26/7/2022 chị Huỳnh Thị Kim Nh có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm:* Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S và công nhận những khoản chi tiêu, trả nợ trong số tiền 580.000.000 đồng là hợp lý và đúng thực tế khách quan.

Tại phiên tòa, chị Nh rút một phần kháng cáo về quan hệ hôn nhân. Chị Nh và anh S đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị cụ thể: Anh S quản lý, sử dụng thửa 1121; chị Nh quản lý, sử dụng thửa 1120 cùng tài sản gắn liền với đất; không bên nào phải thanh toán giá trị cho bên nào; anh S và chị Nh thừa nhận số tiền chuyển nhượng đất 580.000.000 đồng đã chi tiêu hết; anh S không phải cấp dưỡng cho chị Nh số tiền 30.000.000 đồng và chị Nh cũng không

phải thanh toán số tiền 137.000.000 đồng cho anh S. Anh S, chị Nh đồng ý chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của chị Huỳnh Thị Kim Nh làm trong hạn luật định là hợp lệ theo Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện B1: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần hôn nhân; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc anh S nhận thừa 1121, chị Nh nhận thừa 1120; không bên nào phải thanh toán giá trị cho bên nào; xác định không còn số tiền 580.000.000 đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; chị Nh không yêu cầu anh S cấp dưỡng 30.000.000 đồng cho chị. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Kim Nh rút một phần kháng cáo về quan hệ hôn nhân. Xét việc chị Nh rút một phần kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo chị Nh đã rút.

[2] Tại phiên tòa, anh S và chị Nh tự nguyện thỏa thuận: Anh S được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng thừa 1121 cùng tài sản gắn liền với đất; chị Nh được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng thừa 1120 cùng tài sản gắn liền với đất, không bên nào phải thanh toán giá trị cho bên nào; thống nhất số tiền 580.000.000 đồng chuyển nhượng thừa 1122 và thừa 1123 đã sử dụng vào việc trả nợ và chi phí khám, chữa bệnh không còn; chị Nh không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho chị 30.000.000 đồng; anh S không yêu cầu chị Nh phải thanh toán cho anh số tiền 137.000.000 đồng.

Xét việc thỏa thuận của anh S và chị Nh là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

[3.1] Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về quan hệ hôn nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tổng cộng là 15.300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.900.000 đồng theo Biên lai số 0001473 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1. Anh S còn phải nộp 2.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Chị Huỳnh Thị Kim Nh phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tổng cộng là 15.300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0002419 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1. Chị Nh còn phải nộp 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, 148, khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 51, 56, 57, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Sửa bản án số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo chị Huỳnh Thị Kim Nh đã rút về quan hệ hôn nhân. Anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim Nh.

2. Về con chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Huỳnh Thị Kim Nh trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

3.1. Anh Nguyễn Văn S được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng thửa đất số 1121, tờ bản đồ số 29, diện tích 255m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 155m² đất trồng cây hàng năm khác), tại xã B3, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho anh Nguyễn Văn S và chị Huỳnh Thị Kim Nh vào ngày 14/8/2020 cùng tài sản gắn liền với đất.

3.2. Chị Huỳnh Thị Kim Nh được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng thửa đất số 1120, tờ bản đồ số 29, diện tích 265m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 165m² đất trồng cây hàng năm khác), tại xã B3, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho anh Nguyễn Văn S và chị Huỳnh Thị Kim Nh vào ngày 14/8/2020 cùng tài sản gắn liền với đất.

Các đương sự có trách Nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất được quyền quản lý, sử dụng theo qui định của pháp luật.

3.3. Xác định số tiền 580.000.000 đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã sử dụng hết vào việc trả nợ và chi phí khám, chữa bệnh.

3.4. Anh Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng cho chị Huỳnh Thị Kim Nh số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu*).

3.5. Chị Huỳnh Thị Kim Nh không phải thanh toán lại cho anh Nguyễn Văn S số tiền 137.000.000 đồng (*một trăm ba mươi bảy triệu*).

4. Về án phí:

4.1. Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự về quan hệ hôn nhân và 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu*) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, tổng cộng là 15.300.000 đồng (*mười lăm triệu, ba trăm ngàn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.900.000 đồng (*mười hai triệu, chín trăm ngàn*) theo Biên lai số 0001473 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1. Anh Nguyễn Văn S còn phải nộp 2.400.000 đồng (*hai triệu, bốn trăm ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Chị Huỳnh Thị Kim Nh phải chịu 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu*) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 15.300.000 đồng (*mười lăm triệu, ba trăm ngàn*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0002419 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B1. Chị Nh còn phải nộp 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện B1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thu Lan